TÒA ÁN QUÂN SỰ **KHU VỰC QUÂN KHU 2**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 01/2020/HS-ST
Ngày 03 - 6 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 2

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 3/ Bùi Mạnh Thuyết.
Các Hội thẩm quân nhân:
4/ Nguyễn Quốc Trị;
4/ Nguyễn Minh Vương,

- Thư ký phiên tòa: 2/ Bùi Văn Nghĩa, Thư ký Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 2.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 21 tham gia phiên tòa: 4/ Lương Minh Tú và 3/ Bùi Thị Lệ Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Trần Ngọc T, sinh ngày 20/10/1990 tại xã CD, huyện CK, tỉnh PT; nơi cư trú: Xóm T, xã CD, huyện CK, tỉnh PT; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Sinh T1 và bà Trần Thị I (đã chết); bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/02/2020 đến 21/02/2020, Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/02/2020 đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Văn B, sinh ngày 24/5/1995 tại xã CD, huyện CK, tỉnh PT; nơi cư trú: Xóm T, xã CD, huyện CK, tỉnh PT; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2 và bà Lê Thị H; vợ là Triệu Thị T3, có 02 con (sinh năm 2016 và 2017); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/02/2020 đến 21/02/2020, Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/02/2020 đến nay; có mặt.

3. Trần Minh V, sinh ngày 06/02/1990 tại xã CD, huyện CK, tỉnh PT; nơi cư trú: Xóm Đ, xã CD, huyện CK, tỉnh PT; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh H1 và bà Trần Thị H2; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: 01 tiền án; nhân thân: Ngày 06/9/2017 bị TAND huyện CK, tỉnh PT xử phạt 14.000.000 đồng về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 chưa được xóa án tích; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/02/2020 đến 21/02/2020, Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/02/2020 đến nay; có mặt.

4. Trần Văn T4, sinh ngày 13/6/1979 tại xã CD, huyện CK, tỉnh PT; nơi cư trú: Xóm T, xã CD, huyện CK, tỉnh PT; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh Đ và bà Trần Thị X (đều đã chết); vợ là Nguyễn Thị H3, có 03 con (lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/02/2020 đến 21/02/2020, Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/02/2020 đến nay; có mặt.

5. Nguyễn Văn T5, sinh ngày 05/01/1991 tại xã CD, huyện CK, tỉnh PT; nơi cư trú: Xóm T, xã CD, huyện CK, tỉnh PT; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2 và bà Lê Thị H; vợ là Hoàng Thị L, có 01 con (sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/02/2020 đến 21/02/2020, Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/02/2020 đến nay; có mặt.

6. Trần Quốc H4, sinh ngày 30/12/1977 tại xã CD, huyện CK, tỉnh PT; nơi cư trú: Xóm T, xã CD, huyện CK, tỉnh PT; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T6 (đã chết) và bà Trần Thị H5; bị cáo sống với Kiều Thị M như vợ chồng, có 02 con (sinh năm 2007 và 2016); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/02/2020 đến 21/02/2020, Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/02/2020 đến nay; có mặt.

7. Trần Thế A, sinh ngày 27/6/1991 tại phường DL, thành phố VT, tỉnh PT; nơi cư trú: T9, khu DL, phường DL, thành phố VT, tỉnh PT; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân M1 và bà Lương Thị H6 (đã chết); vợ là Nguyễn Thị Châu B; bị cáo chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/02/2020 đến 21/02/2020, Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/02/2020 đến nay; có mặt.

8. Nguyễn Trường G, sinh ngày 24/10/1993 tại xã PH, thị xã PT, tỉnh PT; nơi cư trú: Xã CĐ, huyện ĐH, tỉnh PT (nơi đơn vị đóng quân); cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: 2/ QNCN, nhân viên Hóa nghiệm, C19, Phòng TM, F316, QK 2; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc T7 và bà Trịnh Thị Thúy H7; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/02/2020 đến 21/02/2020, Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/02/2020 đến nay; có mặt.

- *Người làm chứng:*

Trần Mỹ T8, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22h20’ ngày 15/02/2020, sau khi dự đám cưới tại nhà anh Trần Văn K thuộc xóm T, xã CD, huyện CK, tỉnh PT; Trần Thế A, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T5, Trần Quốc H4, Trần Minh V, Nguyễn Trường G, Trần Ngọc T đến nhà Trần Văn T4 để uống nước. Trong khi ngồi uống nước, T nảy sinh ý định đánh bạc ăn tiền nên đã nói với mọi người “Anh em mình làm tí ba cây vui đi”, sau khi T nói xong thì được mọi người nhất trí. Sau đó, Nguyễn Văn B đã tự ý đi mua 01 bộ bài Tú lơ khơ, cả nhóm xuống gian bếp nhà Trần Văn T4 để đánh bạc. Tại đây có 01 chiếu nhựa đã trải sẵn (chiếu nhà T4 dùng để ăn cơm trưa nhưng chưa cất). Cả nhóm 08 người ngồi thành vòng tròn theo chiều kim đồng hồ lần lượt là H4, T4, T5, G, V, A, B, T và thống nhất chỉ sử dụng 36 quân bài từ quân A (át) đến 9 (chín) để đánh, khi chơi người cầm chương chia bài, chia đều cho mỗi người chơi 03 quân bài úp mặt (Nguyễn Văn B là người chia ván đầu tiên để chọn người cầm chương). Sau đó, những người chơi tính tổng điểm của 03 quân bài đó và so sánh với tổng điểm của người cầm chương. Nếu người cầm chương hơn điểm của người chơi thì người cầm chương sẽ được toàn bộ số tiền người chơi đặt cược trước đó. Nếu thấp hơn người chơi thì người cầm chương sẽ phải trả cho người chơi số tiền bằng số tiền mà người chơi đã đặt cược. Nếu bằng điểm thì so sánh theo các chất thứ tự từ cao xuống thấp: rô, cơ, tép, bích. Nếu ai được 10 điểm cao nhất thì sẽ được cầm chương ván tiếp theo, nếu tổng 03 quân bài là 20 điểm thì tính là 10 điểm, mỗi ván đặt cược là 10.000 đồng, nếu ai được 9, 10 điểm thì được nhân đôi số tiền là 20.000 đồng. Quá trình đánh bạc các đối tượng không xác định được thua là bao nhiêu; ngoài ra không đặt thêm và không phải trả tiền hồ trong quá trình đánh bạc. Các đối tượng đánh bạc liên tục từ 22h30’ đến 23h15’ thì bị Công an huyện CK bắt quả tang. Thu giữ tại chiếu bạc 6.970.000 đồng tiền đánh bạc, 36 quân bài Tú lơ khơ và 01 chiếu nhựa. Thu giữ trên người các đối tượng tổng cộng 4.550.000 đồng và 02 ví giả da.

Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 23h30’ ngày 15/02/2020 của Công an huyện CK, thể hiện: ...Khoảng 23h15’ ngày 15/02/2020 tổ công tác của Công an huyện CK và Công an xã CD phối hợp kiểm tra phát hiện bắt quả tang các đối tượng Trần Ngọc T, Nguyễn Văn B, Trần Văn T4, Nguyễn Văn T5, Trần Minh V, Trần Quốc H4, Trần Thế A, Nguyễn Trường G đang có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh ba cây được thua bằng tiền. Vật chứng thu giữ 01 chiếu nhựa là chiếu các đối tượng dùng để đánh bạc, thu giữ trên chiếu 36 quân bài Tú lơ khơ và số tiền 6.970.000 đồng là tiền các đối tượng đánh bạc để trên chiếu. Kiểm tra, tạm giữ tại túi quần của Trần Văn T4 1.000.000 đồng, Nguyễn Văn T5 600.000 đồng, Trần Quốc H4 01 ví giả da màu đen bên trong có 1.000.000 đồng, Trần Thế A 700.000 đồng, tại tay phải Nguyễn Trường G 01 ví giả da màu đen bên trong có 1.250.000 đồng.

Biên bản xác định hiện trường của Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 1 lập ngày 05/3/2020, thể hiện: ...hiện trường nơi xảy ra vụ đánh bạc ngày 15/02/2020 tại gian bếp ngôi nhà cấp 4 của Trần Văn T4. Gian bếp được chia làm hai khu là khu nấu ăn và khu kho... khu kho có kích thước 2,95 x 3,19 x 3,18m, các đồ vật được kê sát các bức tường, ở giữa là khoảng trống có kích thước 2,5 x 2,6m là vị trí các bị cáo ngồi đánh bạc kí hiệu là 01...

Tại phiên toà lời khai của các bị cáo thống nhất diễn biến vụ án và có nội dung: Trần Ngọc T có 1.000.0000 đồng dùng để đánh bạc; Nguyễn Văn B có 1.910.000 đồng, dùng 10.000 đồng để mua bài, còn 1.900.000 đồng dùng để đánh bạc; Trần Văn T4 có 1.600.000 đồng, dùng 600.000 đồng để đánh bạc, còn 1.000.000 đồng cất ở túi quần hậu phải dùng để nuôi người nhà đang điều trị tại Bệnh viện; Nguyễn Văn T5 có 1.040.000 đồng, dùng 440.000 đồng để đánh bạc, số tiền 600.000 đồng còn lại để trong túi quần hậu bên phải để mừng đám cưới; Trần Minh V có 740.000 đồng dùng toàn bộ để đánh bạc; Trần Quốc H4 có 1.430.000 đồng, dùng 430.000 đồng để đánh bạc, còn 1.000.000 đồng cất trong túi quần để hôm sau lấy hàng đi chợ; Trần Thế A có 1.460.000 đồng, dùng 760.000 đồng để đánh bạc, số tiền còn lại 700.000 đồng cất vào túi quần bên phải để bắt xe về nhà; Nguyễn Trường G có 2.350.000 đồng, dùng 1.100.000 đồng để đánh bạc, còn số tiền 1.250.000 đồng thu giữ tại ví đang cầm trên tay, bị cáo không dùng vào việc đánh bạc, mà giữ lại để mừng đám cưới và hôm sau bắt xe về đơn vị. Quá trình đánh bạc các bị cáo không phải nộp tiền hồ, tiền thuê địa điểm đánh bạc cho ai; đến khi bị bắt quả tang các bị cáo không nhớ được thua bao nhiêu tiền. Số tiền 11.520.000 đồng mà Công an huyện CK thu giữ, trong đó có 6.970.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc là tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc; số tiền 4.550.000 đồng thu giữ trên người các bị cáo, các bị cáo khai không dùng vào việc đánh bạc. Các bị cáo đều nhận thức được việc đánh bạc là vi phạm pháp luật.

Người làm chứng Trần Mỹ T8 khai tại cơ quan đều tra có nội dung: Ngày 15/02/2020 đã chứng kiến công an huyện CK cùng Công an xã CD bắt quả tang các đối tượng đang có hành vi đánh bạc dưới hình thức ba cây sát phạt nhau bằng tiền tại gian phòng bếp nhà anh Trần Văn T4, lời khai của người bị bắt và vật chứng thu giữ đúng như biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại Cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 21/5/2020 của Viện kiểm sát quân sự (VKSQS) Khu vực 21 truy tố các bị cáo Trần Ngọc T, Nguyễn Văn B, Trần Văn T4, Nguyễn Văn T5, Trần Minh V, Trần Quốc H4, Trần Thế A, Nguyễn Trường G về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Luận tội tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm về tội danh và điều luật như Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo. Đồng thời phân tích các tài liệu, chứng cứ chứng minh tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả của vụ án, mức độ lỗi của từng bị cáo; phân tích các điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết khác có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

* Về hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35 BLHS đối với các bị cáo Trần Ngọc T, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T5, Trần Văn T4, Trần Quốc H4, Nguyễn Trường G, Trần Thế A. Riêng các bị cáo Nguyễn Trường G, Trần Quốc H4 và Trần Văn T4 áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS. Xử phạt:

- Trần Ngọc T từ 24.000.000 đồng đến 26.000.000 đồng.

- Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T5, Trần Thế A mỗi bị cáo từ 22.000.000 đồng đến 24.000.000 đồng.

- Trần Văn T4, Trần Quốc H4, Nguyễn Trường G mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS đối với 07 bị cáo.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58; khoản 2 Điều 35; Điều 36 BLHS xử phạt Trần Minh V 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ (trừ đi 06 ngày tạm giữ quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ), không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Hình phạt bổ sung: xử phạt bị cáo Trần Minh V từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

* Về xử lý vật chứng:

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS); điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS:

+ Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 6.970.000 đồng thu trên chiếu bạc.

+ Tịch thu và tiêu hủy 36 quân bài Tú lơ khơ.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy 01 chiếu nhựa.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại số tiền 4.550.000 đồng thu trên người các bị cáo (1.000.000 đồng của Trần Văn T4, 600.000 đồng của Nguyễn Văn T5, 1.000.000 đồng của Trần Quốc H4, 700.000 đồng của Trần Thế A, 1.250.000 đồng của Nguyễn Trường G); 02 ví giả da cho bị cáo Nguyễn Trường G và Trần Quốc H4.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều đồng ý với các nội dung luận tội của Kiểm sát viên và không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng, các bị cáo ân hận về hành vi vi phạm pháp luật của mình, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CK tỉnh PT, CQĐTKV1 QK2; Viện kiểm sát nhân dân huyện CK tỉnh PT, VKSQS Khu vực 21, Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, HĐXX có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang; phù hợp với vật chứng đã thu giữ, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xác minh công khai tại phiên toà, HĐXX có đủ cơ sở khẳng định: Hành vi chơi bài Tú lơ khơ trong khoảng thời gian từ 22h30’ đến 23h15’ ngày 15/02/2020 tại gian bếp nhà bị cáo Trần Văn T4 ở Xóm T, xã CD, huyện CK, tỉnh PT dưới hình thức đánh “ba cây” được thua bằng tiền ngân

hàng Nhà nước Việt Nam của các bị cáo Trần Ngọc T, Nguyễn Văn B, Trần Minh V, Trần Văn T4, Nguyễn Văn T5, Trần Quốc H4, Trần Thế A, Nguyễn Trường G là hành vi đánh bạc. Trong đó, bị cáo T dùng 1.000.0000 đồng, B dùng 1.900.000 đồng, V dùng 740.000 đồng, T4 dùng 600.000 đồng, T5 dùng 440.000 đồng, H4 dùng 430.000 đồng, A dùng 760.000 đồng, G dùng 1.100.000 đồng để đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 6.970.000 (Sáu triệu chín trăm bảy mươi nghìn) đồng. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Trần Ngọc T, Nguyễn Văn B, Trần Minh V, Trần Văn T4, Nguyễn Văn T5, Trần Quốc H4, Trần Thế A, Nguyễn Trường G phạm tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 BLHS. Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[3] Tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra là ít nghiêm trọng, hành vi đánh bạc của các bị cáo trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự xã hội tại địa phương. Hành vi đó, thể hiện sự thiếu ý thức chấp hành pháp luật. Do vậy, phải xử lý nghiêm để giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[4] Xem xét toàn diện vụ án, HĐXX thấy đây là vụ án đồng phạm giản đơn, tất cả các bị cáo đều là người thực hành. Vì vậy, cần áp dụng Điều 17, Điều 58 BLHS để xác định trách nhiệm hình sự với 08 bị cáo. Vai trò của từng bị cáo được xác định như sau:

Bị cáo Trần Ngọc T, trong khi ngồi uống nước có nói "anh em mình làm tí ba cây vui đi". Sau đó, 07 bị cáo còn lại đã đồng ý, bị cáo T dùng 1.000.000 đồng để đánh bạc. Do vậy, bị cáo là người khởi xướng việc đánh bạc nên phải chịu trách nhiệm hình sự (TNHS) cao nhất trong vụ án.

Bị cáo Nguyễn Văn B, sau khi nghe T rủ mọi người đánh bạc, B đã tự ý đi mua 01 bộ bài Tú lơ khơ và dùng 1.900.000 đồng để đánh bạc. Vì vậy, B là người thực hành tích cực trong vụ án nên phải chịu TNHS sau bị cáo Trần Ngọc T.

Đối với 06 bị cáo còn lại, sau khi nghe T khởi xướng việc đánh bạc đều nhất trí và tham gia đánh bạc. Bị cáo V dùng 740.000 đồng, T4 dùng 600.000 đồng, T5 dùng 440.000 đồng, H4 dùng 430.000 đồng, A dùng 760.000 đồng, G dùng 1.100.000 đồng để đánh bạc. HĐXX thấy, các bị cáo có vai trò như nhau nên phải chịu TNHS sau bị cáo Nguyễn Văn B.

[5] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt áp dụng đối với các bị cáo.

- Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Minh V ngày 06/9/2017, bị TAND huyện CK tỉnh PT xử phạt 14.000.000 đồng về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999 tại Bản án số 44/2017/HSST, chưa được xóa án tích (chấp hành xong bản án ngày 16/3/2020), ngày 15/02/2020 bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Do vậy, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Các bị cáo Trần Ngọc T, Nguyễn Văn B, Trần Văn T4, Nguyễn Văn T5, Trần Quốc H4, Trần Thế A, Nguyễn Trường G không có tiền án, tiền sự, trước lần phạm tội này chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, hay xử lý kỷ luật lần nào. Đây là lần đầu phạm tội, tội phạm mà các bị cáo thực hiện là tội ít nghiêm trọng nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ "phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" theo điểm i; quá trình tố tụng và tại phiên toà các bị cáo T, B, V, T4, T5, H4, A, G đã

thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ "người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, các bị cáo Nguyễn Trường G hai lần được tặng Giấy khen và có mẹ đẻ được tặng thưởng Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhì, Ba, Quân kỳ Quyết thắng; Trần Văn T4 có bố đẻ được tặng Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Ba; Trần Quốc H4 có bố đẻ được tặng Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Hai; đây là các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng cho các bị cáo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo Trần Minh V có ông nội là liệt sỹ, mặc dù tại phiên toà Kiểm sát viên không coi tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ và không đề nghị HĐXX áp dụng. Tuy nhiên, HĐXX thấy ông nội bị cáo là liệt sỹ đã hy sinh vì sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, được Nhà nước truy tặng Bằng "Tổ quốc ghi công". Vì vậy, HĐXX coi đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS để áp dụng đối với bị cáo.

- Hình phạt áp dụng đối với các bị cáo: Xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xét thấy các bị cáo Trần Ngọc T, Nguyễn Văn B, Trần Văn T4, Nguyễn Văn T5, Trần Quốc H4, Trần Thế A có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng, có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1; bị cáo Nguyễn Trường G có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và 02 tình tiết quy định tại khoản 2; bị cáo Trần Văn T4 và Trần Quốc H4 còn có thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Do vậy HĐXX xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt tiền theo quy định tại Điều 35 BLHS đối với 07 bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo như đề nghị của Đại diện VKS là phù hợp. Các bị cáo bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo Trần Minh V mặc dù có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Tuy nhiên, bị cáo có 01 tiền án về tội "Đánh bạc", chưa được xóa án tích, bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa chữa lỗi lầm mà vẫn tiếp tục thực hiện tội phạm, điều đó thể hiện sự thiếu ý thức chấp hành pháp luật, không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân. Vì vậy, HĐXX thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và giao bị cáo cho UBND xã nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong một thời gian nhất định, đồng thời áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo khoản 3 Điều 321 BLHS đối với bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, HĐXX không khấu trừ một phần thu nhập quy định tại khoản 3 Điều 36 BLHS đối với bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 6.970.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc, đây là phương tiện phạm tội. HĐXX căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 36 quân bài Tú lơ khơ mà các bị cáo dùng vào việc đánh bạc đây là công cụ phạm tội không có giá trị sử dụng, HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 chiếu nhựa là tài sản của gia đình bị cáo T4 (đã cũ, giá trị sử dụng còn lại không nhiều), tại phiên toà bị cáo đề nghị không nhận lại, HĐXX căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu huỷ.

Đối với 02 chiếc ví giả da màu đen (01 chiếc của Trần Quốc H4 và 01 chiếc của Nguyễn Trường G) là tài sản thuộc sở hữu của các bị cáo. Tại phiên toà các bị cáo đề nghị được nhận lại. Do vậy, HĐXX căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho các bị cáo.

Đối với số tiền 4.550.000 đồng thu giữ trên người các bị cáo (Trần Văn T4 1.000.000 đồng, Nguyễn Văn T5 600.000 đồng, Trần Quốc H4 1.000.000 đồng, Trần Thế A 700.000 đồng; Nguyễn Trường G 1.250.000 đồng) là tài sản thuộc sở hữu của các bị cáo không dùng vào việc đánh bạc nên cần trả lại cho các bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên. Tuy nhiên, do các bị cáo bị áp dụng hình phạt tiền, HĐXX thấy cần tiếp tục tạm giữ số tiền trên để bảo đảm thi hành án.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự

Tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc T, Nguyễn Văn B, Trần Minh V, Trần Văn T4, Nguyễn Văn T5, Trần Quốc H4, Trần Thế A, Nguyễn Trường G phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 3 Điều 35 BLHS đối với các bị cáo Trần Ngọc T, Nguyễn Văn B, Trần Văn T4, Nguyễn Văn T5, Trần Quốc H4, Trần Thế A, Nguyễn Trường G; riêng các bị cáo Trần Văn T4, Trần Quốc H4 và Nguyễn Trường G áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS, xử phạt:

+ Trần Ngọc T: 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng.
+ Nguyễn Văn B: 25.000.000 (hai mươi năm triệu) đồng.
+ Trần Văn T4: 23.000.000 (hai mươi ba triệu) đồng.
+ Nguyễn Văn T5: 24.000.000 (hai mươi tư triệu) đồng.
+ Trần Quốc H4: 23.000.000 (hai mươi ba triệu) đồng.
+ Trần Thế A: 24.000.000 (hai mươi tư triệu) đồng.
+ Nguyễn Trường G: 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 36 BLHS, xử phạt Trần Minh V 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 15/02/2020 đến ngày 21/02/2020 (quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành 17 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho UBND xã CD, huyện CK, tỉnh PT giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời

gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã CD, huyện CK, tỉnh PT nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321; khoản 2, khoản 3 Điều 35 BLHS xử phạt bị cáo Trần Minh V 12.000.000 (mười hai triệu) đồng.

2. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu số tiền 6.970.000 (sáu triệu chín trăm bảy mươi nghìn) đồng nộp ngân sách Nhà nước; tịch thu, tiêu hủy 36 quân bài Tú lơ khơ.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 4.550.000 (bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng (của Trần Văn T4 1.000.000 đồng, Nguyễn Văn T5 600.000 đồng, Trần Quốc H4 1.000.000 đồng, Trần Thế A 700.000 đồng, Nguyễn Trường G 1.250.000 đồng) để bảo đảm thi hành án.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu huỷ 01 chiếu nhựa.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại bị cáo Trần Quốc H4 và bị cáo Nguyễn Trường G mỗi bị cáo 01 chiếc ví giả da màu đen.

(Số tiền 6.970.000 đồng và 4.550.000 đồng tổng cộng 11.520.000 đồng hiện nay đang được Ban Tài chính, Bộ TM, QK2 quản lý. Đặc điểm tài sản, vật chứng như Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 15/02/2020 và Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 19/02/2020).

3. Về án phí

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS các bị cáo Trần Ngọc T, Nguyễn Văn B, Trần Minh V, Trần Văn T4, Nguyễn Văn T5, Trần Quốc H, Trần Thế A, Nguyễn Trường G mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (03/6/2020) các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này lên Toà án quân sự Quân khu 2./.

Nơi nhận:
- TAQSTW;
- VKSQSKV21;
- VKSQSQK2;
- CQĐTHSKV1QK2;
- CQ THAHSQK2;
- Phòng THAQK2;
- Công an huyện CK, tỉnh PT;
- UBND xã CD, huyện CK, tỉnh PT;
- Phòng TM, F316;
- Các bị cáo;
- Lưu: HSVA, THAHS; Th20.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

3/ Bùi Mạnh Thuyết